

Số: 1738 /QĐ-ĐHKTL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt danh sách sinh viên được miễn, giảm học phí
Học kỳ 1 năm học 2022 - 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc Đại học Quốc gia TP.HCM;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt danh sách sinh viên được hưởng chế độ miễn, giảm học phí học kỳ 1 năm học 2022 – 2023 như sau:

Sinh viên được miễn 100% học phí: 88 sinh viên.

Sinh viên được giảm 70% học phí: 22 sinh viên.

Sinh viên được giảm 50% học phí: 22 sinh viên.

Tổng cộng: 132 SV (Danh sách và mức miễn, giảm kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trường phòng Tài chính, phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên, các Khoa, các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TS&CTSV.

HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Công Gia Khánh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ
HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2022 - 2023

(Theo Quyết định số 1738/QĐ-ĐHKTL ngày 30 tháng 11 năm 2022)

STT	Mã SV	Họ và đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Tên Đối Tượng	Mức miễn, giảm	Số tiền miễn, giảm
1	K194030277	LÊ THỊ THÚY	AN	30/10/2000	K19403	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	100 %	6.956.400
2	K194040551	TRƯƠNG VĨ	NHON	24/08/2001	K19404C	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	100 %	5.728.800
3	K194040553	HUỖNH THỊ THANH	PHỤNG	28/12/2001	K19404C	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	100 %	5.728.800
4	K194040579	NGUYỄN TÂN	DŨNG	20/02/2001	K19404CA	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	100 %	4.092.000
5	K194060862	PHẠM VĂN	NGUYỄN	06/04/2000	K19406C	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	100 %	3.682.800
6	K194071013	ĐÀO TRỌNG	GIANG	12/03/2001	K19407CA	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	100 %	1.636.800
7	K194111554	LÊ THANH	NGHỊ	09/5/2000	K19411	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	100 %	2.046.000
8	K195011944	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VY	22/04/2001	K19501C	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	100 %	2.864.400
9	K195032170	LÊ NGUYỄN THÁI	CƠ	11/11/2001	K19503C	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	100 %	4.092.000
10	K195032176	NGUYỄN THỊ MỸ	HÈN	24/02/2001	K19503C	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	100 %	3.682.800
11	K204061387	PHẠM LỘC	ẤN	11/06/1999	K20406	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	100 %	6.138.000
12	K204061400	LÊ THỊ NGỌC	LAN	02/03/2002	K20406	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	100 %	6.956.400
13	K204071490	NGUYỄN PHẠM THANH	THU	01/07/2002	K20407	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	100 %	8.184.000

STT	Mã SV	Họ và đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Tên Đối Tượng	Mức miễn, giảm	Số tiền miễn, giảm
14	K204091657	PHAN LINH	TÂM	17/12/2002	K20409	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	100 %	8.593.200
15	K204091674	THÁI NGỌC	ÁNH	11/06/2002	K20409C	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	100 %	6.956.400
16	K204141912	NGUYỄN THỊ HỒNG	HÀ	16/07/2002	K20414C	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	100 %	6.956.400
17	K214010040	PHẠM THỊ LỆ	UYÊN	8/6/2003	K21401	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	100%	10.175.000
18	K214041631	PHẠM NGỌC	LINH	29/4/2003	K21404C	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	100%	13.772.000
19	K214101304	ĐINH TRẦN DIỄM	MY	16/8/2003	K21410	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	100%	11.275.000
20	K214110805	NGUYỄN MAI NHƯ	LUẬN	22/4/2003	K21411	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	100%	11.275.000
21	K214010029	NGUYỄN THỊ LỆ	QUYÊN	9/12/2003	K21401	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	100%	10.175.000
22	K214040304	ĐẶNG GIA	HUY	4/9/2003	K21404C	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	100%	13.772.000
23	K214040291	TRẦN HỒNG	PHÚC	14/6/2003	K21404B	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	100%	10.175.000
24	K214071805	LÊ VÕ CHÍNH	TRUNG	3/3/2003	K21407C	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	100%	8.764.000
25	K214131998	TRẦN THỊ THANH	TUYỀN	13/8/2003	K21413	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	100%	10.175.000
26	K214140959	PHẠM HOÀNG THUY	TIÊN	8/7/2003	K21414C	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	100%	10.175.000
27	K215031123	ĐẶNG THỊ NGỌC	NGÂN	3/3/2003	K21503	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	100%	10.175.000
28	K224111413	TRẦN LÂM THỰC	NHI	18/9/2004	K22411	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	100%	10.775.000
29	K225042228	LÊ NGUYỄN UYÊN	PHƯƠNG	12/11/2004	K22504	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	100%	10.775.000

STT	Mã SV	Họ và đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Tên Đối Tượng	Mức miễn, giảm	Số tiền miễn, giảm
30	K224020251	PHẠM KỲ ANH	THU	25/4/2004	K224021C	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	100%	13.260.000
31	K224060774	TRẦN THỊ ANH	ĐÀO	27/10/2004	K22406	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	100%	10.775.000
32	K224101314	LÊ NGỌC NAM	HÀ	15/11/2004	K22410C	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	100%	16.575.000
33	K224111417	LÊ THỊ LAN	PHƯƠNG	20/3/2004	K22411	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	100%	10.775.000
34	K224050749	TRINH QUỲNH	MAI	13/4/2004	K22405CA	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	100%	5.967.000
35	K224050640	ĐÀO NGUYỄN KIỀU	DUYỀN	24/2/2004	K22405	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	100%	10.775.000
36	K224030340	NGUYỄN THỊ HỒNG	DIỄM	24/5/2003	K22403	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	100%	10.775.000
37	K214132050	NGUYỄN ĐẠI	TÔN	13/8/2002	K21413CA	MGHP-DT-1.5	SV là con của bệnh binh.	100 %	15.024.000
38	K215042349	TRẦN PHƯƠNG	NA	25/11/2003	K21504	MGHP-DT-1.5	SV là con của bệnh binh.	100 %	10.175.000
39	K224101302	LÊ THỊ HỒNG	VÂN	9/3/2004	K22410	MGHP-DT-1.5	SV là con của bệnh binh.	100 %	10.775.000
40	K194050676	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	05/02/2001	K19405	MGHP-DT-1.6	SV là con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.	100 %	3.682.800
41	K194111524	TRẦN THỊ DIỄM	CHÁU	22/01/2001	K19411	MGHP-DT-2	Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học giáo dục đại học vẫn bằng thứ nhất mô côi, không có nguồn nuôi dưỡng thuộc đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng.	100%	2.455.200
42	K194151763	HOÀNG LÝ MỸ	DUYỀN	23/7/2001	K19415	MGHP-DT-2	Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học giáo dục đại học vẫn bằng thứ nhất mô côi, không có nguồn nuôi dưỡng thuộc đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng.	100%	7.774.800
43	K214081831	TRINH MINH	NGUYỆT	30/7/2003	K21408	MGHP-DT-2	Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học giáo dục đại học vẫn bằng thứ nhất mô côi, không có nguồn nuôi dưỡng thuộc đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng.	100%	11.275.000



C/

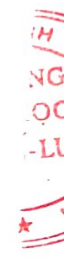
W

STT	Mã SV	Họ và đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Tên Đối Tượng	Mức miễn, giảm	Số tiền miễn, giảm
44	K215022222	NGUYỄN THỊ TÂM	NHƯ	25/11/2003	K21502	MGHP-DT-2	Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học giáo dục đại học vẫn bằng thứ nhất mô côi, không có nguồn nuôi dưỡng thuộc đối tượng bao trợ xã hội hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng.	100%	10.175.000
45	K204070318	HOÀNG CHI	MANH	6/9/1999	K20407	MGHP-DT-3	Sinh viên khuyết tật	100%	8.184.000
46	K194040412	ĐÀNG THỊ NGỌC	HUYỀN	21/05/2000	K19404A	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.	100 %	4.910.400
47	K194070883	Y MÀU	AYÜN	30/12/2001	K19407	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.	100 %	3.682.800
48	K195021983	TRẦN THỊ THANH	NHÀN	17/03/2001	K19502	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.	100%	4.092.000
49	K195042260	NÔNG THỊ THU	THẢO	28/05/2001	K19504	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.	100 %	3.682.800
50	K195011881	KHÊ QUANG	THIỆT	15/6/2000	K19501	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.	100%	1.227.600
51	K204021014	ĐÀM NGỌC THUY	TIỀN	01/11/2002	K204022C	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.	100 %	7.774.800
52	K204031032	DƯƠNG THỊ NGỌC	HUYỀN	26/06/2002	K20403	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.	100 %	7.365.600
53	K204030156	LÝ KIM	TÀI	25/02/2001	K20403	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.	100%	8.184.000
54	K204030151	RÕ H'LINH	NA	16/11/2001	K20403	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.	100%	8.184.000
55	K204040207	TRƯƠNG THỊ KIỀU	OANH	17/8/2001	K20404A	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.	100%	7.365.600

STT	Mã SV	Họ và đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Tên Đối Tượng	Mức miễn, giảm	Số tiền miễn, giảm
56	K204061398	LỘC THỊ NGỌC	HUYỀN	23/04/2002	K20406	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.	100 %	6.138.000
57	K204071499	HOÀNG THỊ ÁNH	VÂN	11/07/2002	K20407	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.	100 %	6.956.400
58	K204100516	LÃNG THÚY	MƠ	1/9/2001	K20410	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.	100 %	8.184.000
59	K204101722	ĐÌNH THỊ	TÂM	6/1/2002	K20410	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.	100 %	12.685.200
60	K204101724	NGUYỄN THU	THANH	8/5/2002	K20410	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.	100%	6.956.400
61	K204111786	NGUYỄN THU	THẢO	8/5/2002	K20411	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.	100%	8.184.000
62	K204091660	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	17/3/2002	K20409	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.	100%	6.547.200
63	K204051299	LƯƠNG THỊ NGỌC	HUYỀN	20/1/2002	K20405	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.	100%	7.774.800
64	K214021461	HOÀNG THỊ NHƯ	QUỲNH	10/5/2003	K21402	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.	100%	11.275.000
65	K214030209	THÀNH THỊ HỒNG	TẾP	5/10/2001	K21403	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.	100%	10.175.000
66	K214070473	TÀI THỊ THANH	THANH	10/9/2003	K21407	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.	100%	10.175.000
67	K214051658	HÀ THẾ	CHÂU	10/10/2003	K21405	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.	100%	10.175.000

Chị

MU



STT	Mã SV	Họ và đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Tên Đối Tượng	Mức miễn, giảm	Số tiền miễn, giảm
68	K215011006	QUẢNG NỮ AI	HẬU	30/12/2002	K21501	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.	100%	10.175.000
69	K215011036	BÁ THỊ	TUYỀN	16/4/2002	K21501	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.	100%	10.175.000
70	K215042344	HỒ THỊ CỎ	LIN	17/10/2003	K21504	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.	100%	10.175.000
71	K214101927	HOÀNG ĐỨC	THỊNH	1/1/2003	K21410C	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.	100%	6.246.000
72	K224060807	CHU THỊ HOÀI	NU	20/4/2004	K22406	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.	100%	10.775.000
73	K225011901	MẠC THỊ	TUYỀN	22/11/2004	K22501	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.	100%	10.775.000
74	K224091190	QUANG BỘI	UYỀN	22/1/2004	K22409	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.	100%	10.775.000
75	K224070872	QUÁCH KIỂM	HẬU	11/10/2004	K22407	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.	100%	10.775.000
76	K225032100	HOÀNG NGỌC	MAI	11/9/2004	K22503	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.	100%	10.775.000
77	K224070866	VỊ THỊ	DIỆP	10/6/2004	K22407	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.	100%	10.775.000
78	K224070918	QUẢNG THỊ	TUYỀN	1/8/2003	K22407	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.	100%	10.775.000
79	K225011857	THÀNH THỊ KIM	ĐÀI	12/7/2003	K22501	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.	100%	10.775.000

Ch

ML

STT	Mã SV	Họ và đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Tên Đối Tượng	Mức miễn, giảm	Số tiền miễn, giảm
80	K194030363	KHÁM PHAY	LÀO	30/06/2001	K19403C	MGHP-DT-6	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	70 %	2.291.520
81	K194050651	KIM XUÂN	NGUYỆT	21/11/2000	K19405	MGHP-DT-6	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	70 %	2.577.960
82	K194101463	HOÀNG THỊ BÍCH	LÀNH	11/08/2001	K194101C	MGHP-DT-6	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	70 %	1.718.640
83	K204020981	VÕ THỊ HOÀNG	SA	07/12/2002	K20402	MGHP-DT-6	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	70 %	2.864.400
84	K204020992	GIANG NGỌC	TRÂM	15/4/2002	K20402	MGHP-DT-6	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	70 %	4.583.040
85	K204091633	HOÀNG THỊ	CHÂM	16/08/2002	K20409	MGHP-DT-6	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	70 %	4.869.480
86	K204101740	DƯƠNG TUẤN	DỊ	26/3/2002	K20410C	MGHP-DT-6	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	70%	3.150.840

Chữ
Nữ



STT	Mã SV	Họ và đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Tên Đối Tượng	Mức miễn, giảm	Số tiền miễn, giảm
87	K204100523	NÔNG THỊ	PHƯỢNG	9/8/2002	K20410	MGHP-DT-6	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/ban đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	70%	5.728.800
88	K205012024	NÔNG THỊ	HẬU	24/09/2002	K20501	MGHP-DT-6	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/ban đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	70 %	7.447.440
89	K205010699	CHU THỊ KIỀU	TRANG	12/7/2001	K20501	MGHP-DT-6	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/ban đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	70 %	3.437.280
90	K205032147	DƯƠNG THỊ QUỲNH	NHÂM	05/10/2002	K20503	MGHP-DT-6	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/ban đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	70%	5.155.920
91	K205030810	NEÀNG KIM	SA	21/04/2001	K20503	MGHP-DT-6	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/ban đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	70 %	4.869.480
92	K214100737	TRƯƠNG NGỌC	ÁNH	28/7/2003	K21410	MGHP-DT-6	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/ban đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	70 %	8.744.400
93	K224081001	LÝ THỊ NGỌC	ÁNH	30/5/2004	K22408	MGHP-DT-6	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/ban đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	70 %	7.542.500

Chữ
Vũ

STT	Mã SV	Họ và đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Tên Đối Tượng	Mức miễn, giảm	Số tiền miễn, giảm
94	K224020180	TÙ PHƯƠNG	NHI	11/5/2004	K22402	MGHP-DT-6	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	70 %	7.542.500
95	K224101277	NGUYỄN TUYẾT	NHI	2/1/2004	K22410	MGHP-DT-6	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	70 %	7.542.500
96	K224010124	ĐƯƠNG THỊ VÂN	TIÊN	15/8/2004	K22401C	MGHP-DT-6	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	70 %	6.497.400
97	K224010056	MINH THỊ ANH	THƠ	31/12/2004	K22401	MGHP-DT-6	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	70 %	7.542.500
98	K224020258	QUÁCH THỊ HẢI	YẾN	05/08/2004	K224021C	MGHP-DT-6	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	70 %	5.569.200
99	K2240101258	DÀ GUỐT A	KỶ	13/08/2004	K22410	MGHP-DT-6	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	70 %	7.542.500
100	K224070889	NGÔ LÂM THU	NGÂN	13/12/2004	K22407	MGHP-DT-6	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	70 %	7.542.500

Gph
MUT

STT	Mã SV	Họ và đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Tên Đối Tượng	Mức miễn, giảm	Số tiền miễn, giảm
101	K224060778	TRIỆU THỊ	HÀ	30/06/2004	K22406	MGHP-DT-6	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	70 %	7.542.500
102	K194050622	DƯƠNG THỊ VIỆT	HÀ	23/5/2001	K19405	MGHP-DT-7	SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.	50 %	1.841.400
103	K194060872	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THỊ	13/01/2001	K19406C	MGHP-DT-7	SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.	50 %	3.069.000
104	K194091350	NGUYỄN THẢO	QUỲNH	9/9/2001	K19409C	MGHP-DT-7	SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.	50 %	3.273.600
105	K194111601	PHẠM THÀNH	ĐẠT	11/11/2001	K19411C	MGHP-DT-7	SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.	50 %	1.636.800
106	K195021952	PHAN QUỐC	CƯỜNG	05/05/2001	K19502	MGHP-DT-7	SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.	50 %	409.200
107	K195042235	TIÊU KHÁNH	LINH	28/11/2001	K19504	MGHP-DT-7	SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.	50 %	3.682.800
108	K204080448	LÊ KHÁNH	TRÌNH	23/01/2002	K20408CA	MGHP-DT-7	SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.	50%	3.273.600
109	K214011391	ĐỖ THỊ NGỌC	HÀ	24/7/2003	K21401	MGHP-DT-7	SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.	50%	5.087.500
110	K214091876	HÀNG HIẾU	PHƯƠNG	16/12/2003	K21409	MGHP-DT-7	SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.	50%	5.087.500
111	K205022085	NGUYỄN HÀ BẠCH	DƯƠNG	01/05/2002	K20502	MGHP-DT-7	SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.	50%	3.478.200

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Tên Đối Tượng	Mức miễn, giảm	Số tiền miễn, giảm
112	K205020756	TÔ QUỲNH BẢO	TRÂM	18/3/2002	K20502	MGHP-DT-7	SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.	50%	3.069.000
113	K214020121	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	13/3/2003	K214021C	MGHP-DT-7	SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.	50%	8.195.000
114	K214020125	TRẦN QUỐC	HUNG	23/6/2003	K214021C	MGHP-DT-7	SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.	50%	6.940.000
115	K214021493	NGUYỄN THỊ ÁNH	TUYẾT	6/1/2003	K214022C	MGHP-DT-7	SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.	50%	6.246.000
116	K214041597	NGUYỄN ĐIỀU	HƯƠNG	14/3/2003	K21404B	MGHP-DT-7	SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.	50%	5.087.500
117	K214111321	LAI THỊ BẢO	TRẦN	10/10/2003	K21411	MGHP-DT-7	SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.	50%	5.637.500
118	K214111317	LÊ THỊ BĂNG	DUYÊN	30/4/2003	K21411	MGHP-DT-7	SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.	50%	5.637.500
119	K214100685	TRẦN KHÁNH	HÒA	25/4/2003	K21410	MGHP-DT-7	SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.	50%	5.637.500
120	K214152127	NGUYỄN VĂN	SONG	7/6/2003	K21415	MGHP-DT-7	SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.	50%	5.087.500
121	K224040537	ĐẶNG KIỀU	OANH	6/10/2004	K22404B	MGHP-DT-7	SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.	50%	5.387.500
122	K224161825	BÙI THỊ HUỲNH	MY	19/3/2004	K22416C	MGHP-DT-7	SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.	50%	7.624.500
123	K224081067	ĐẶNG THỊ HỒNG	HẠNH	18/5/2004	K22408C	MGHP-DT-7	SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.	50%	5.967.000

STT	Mã SV	Họ và đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Tên Đối Tượng	Mức miễn, giảm	Số tiền miễn, giảm
124	K204100527	HOÀNG THỊ THU	THÚY	29/9/2001	K20410	MGHP-DT-8	Sinh viên hệ cử tuyển theo quy định của Chính phủ về chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.	100%	4.910.400
125	K214030203	MẠC THỊ	MÙI	20/12/2002	K21403	MGHP-DT-8	Sinh viên hệ cử tuyển theo quy định của Chính phủ về chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.	100%	10.175.000
126	K214030213	LÝ NGỌC	TRẦN	31/10/2002	K21403	MGHP-DT-8	Sinh viên hệ cử tuyển theo quy định của Chính phủ về chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.	100%	10.175.000
127	K214040258	TRẦN THỊ HOÀNG	NHỊ	6/2/2002	K21404A	MGHP-DT-8	Sinh viên hệ cử tuyển theo quy định của Chính phủ về chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.	100%	10.175.000
128	K214040260	DỊNG NỮ KIM	OANH	17/8/2002	K21404A	MGHP-DT-8	Sinh viên hệ cử tuyển theo quy định của Chính phủ về chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.	100%	10.175.000
129	K214100693	HOÀNG THỊ HỒNG	LIÊN	20/7/2002	K21410	MGHP-DT-8	Sinh viên hệ cử tuyển theo quy định của Chính phủ về chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.	100%	11.275.000
130	K215031133	LÝ BÍCH	TIỀN	27/02/2002	K21503	MGHP-DT-8	Sinh viên hệ cử tuyển theo quy định của Chính phủ về chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.	100%	10.175.000
131	K225011856	PHÚ THỊ KIM	DUNG	31/07/2003	K22501	MGHP-DT-8	Sinh viên hệ cử tuyển theo quy định của Chính phủ về chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.	100%	10.775.000
132	K224101249	PHÚ THỊ MỸ	HIỀN	12/1/2003	K22410	MGHP-DT-8	Sinh viên hệ cử tuyển theo quy định của Chính phủ về chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.	100%	10.775.000

Tổng số: 132 SV

Tổng số tiền: 981.112.400

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 11 năm 2022

NGƯỜI LẬP BẢNG

LÃNH ĐẠO PHÒNG TS&CTSV

LÃNH ĐẠO PHÒNG TC

HIỆU TRƯỞNG

Huỳnh Như

Cù Xuân Tiến

Lợi Minh Thanh

